

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2021/HSST

Ngày: 23/4/2021

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Ngô Thế Tương.

Các Hội thẩm nhân dân : Ông Ngô Văn Sang và ông Phan Văn Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nhật Khánh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa:

Bà : Phạm Thị Thanh Hải - Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 22/2021/TLST – HS ngày 16 tháng 3 năm 2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2021/QĐXXST ngày 01 tháng 4 năm 2021 đối với các bị cáo :

1. Bùi Trần T, sinh ngày 19/9/1998

Nơi cư trú: thôn X, xã S, huyện T1, tỉnh Thái Bình.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Bùi Văn L, sinh năm 1964 con bà Trần Thị T2, sinh năm 1972 đều trú tại thôn P, xã S, huyện T1, tỉnh Thái Bình, bị cáo chưa có vợ con

Tiền sự, Tiền án: Không

Nhân thân: Còn nhỏ được gia đình nuôi ăn học hết lớp 9/12, sau đó ở nhà lao động tự do. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 17/12/2020 đến ngày 25/12/2020 được thay thế bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay.

2. Nguyễn Quang C, sinh ngày 17/11/1983

Nơi cư trú: thôn P, xã S, huyện T1, tỉnh Thái Bình.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Quang T3, sinh năm 1958 con bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1956, vợ là Ngô Thị T4, sinh năm 1987, bị cáo 02 con, con lớn sinh năm 2007 con nhỏ sinh năm 2017. Điều trú tại thôn P, xã S, huyện T1, tỉnh Thái Bình.

Tiền sự, Tiền án: Không

Nhân thân: Còn nhỏ được gia đình nuôi ăn học hết lớp 9/12, sau đó ở nhà lao động tự do. Từ tháng 3/2003 đến tháng 01/2005 tham gia nghĩa vụ quân sự. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 17/12/2020 đến ngày 25/12/2020 được thay thế bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay.

3. Nguyễn Đình T5, sinh ngày 01/02/1986

Nơi cư trú: thôn P, xã S, huyện T1, tỉnh Thái Bình.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Đình Th con bà Lê Thị Q (đều đã chết), có vợ là Nguyễn Thị L, sinh năm 1987, có 02, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2016. Điều trú tại thôn P, xã S, huyện T1, tỉnh Thái Bình

Tiền sự, Tiền án: Không

Nhân thân: Còn nhỏ được gia đình nuôi ăn học hết lớp 12/12, sau đó ở nhà lao động tự do. Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 17/12/2020 đến ngày 25/12/2020 được thay thế bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay.

4. Bùi Văn C1, sinh ngày 22/7/1988

Nơi cư trú: thôn P, xã S, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Bùi Văn D, sinh năm 1963, con bà Phạm Thị C2, sinh năm 1964. Điều trú tại thôn P, xã S, huyện T1, tỉnh Thái Bình, bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền sự, Tiền án: Không

Nhân thân: Còn nhỏ được gia đình nuôi ăn học hết lớp 9/12, sau đó ở nhà lao động tự do. Bị cáo đầu thú bị tạm giữ ngày 19/12/2020 đến ngày 25/12/2020 được thay thế bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay.

5. Bùi Năng Đ, sinh ngày 08/11/1994

Nơi cư trú: thôn Đ, xã L, huyện T1, tỉnh Thái Bình.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Bùi Năng V, sinh năm 1964 con bà Vũ Thị L2, sinh năm 1964. Điều trú tại thôn Đ, xã L, huyện T1, tỉnh Thái Bình, bị cáo chưa có vợ con.

Tiền sự, Tiền án: Không

Nhân thân: Còn nhỏ được gia đình nuôi ăn học hết lớp 9/12, sau đó ở nhà lao động tự do. Từ tháng 9/2012 đến tháng 01/2014 tham gia nghĩa vụ quân sự. Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 30/12/2020 đến ngày 23/01/2021 được thay thế bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay.

6. Vũ Đình T6, sinh ngày 15/11/1992

Nơi cư trú: thôn S, xã V, huyện T1, tỉnh Thái Bình

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Vũ Đình V2, sinh năm 1970 con bà Vũ Thị S, sinh năm 1971, có vợ là Phạm Thị H1, sinh năm 1996, có 01 con sinh năm 2019. Điều trú tại S, xã V, huyện T1, tỉnh Thái Bình.

Tiền sự, Tiền án: Không

Nhân thân: Còn nhỏ được gia đình nuôi ăn học hết lớp 9/12, sau đó ở nhà lao động tự do. Từ tháng 9/2012 đến tháng 07/2014 tham gia nghĩa vụ quân sự. Bị cáo đầu thú bị tạm giữ ngày 18/12/2020 đến ngày 25/12/2020 được thay thế bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay.

7. Nguyễn Tuấn A2, sinh ngày 23/7/1996

Nơi cư trú: thôn Thượng Phúc, xã Thụy Sơn, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Văn V3, sinh năm 1965 con bà Đỗ Thị M, sinh năm 1971, có vợ là Phạm Thu H2, sinh

năm 1997, có 02, con lớn sinh năm 2019, con nhỏ sinh năm 2020. Điều trú tại thôn P, xã S, huyện T1, tỉnh Thái Bình.

Tiền sự, Tiền án: Không

Nhân thân: Còn nhỏ được gia đình nuôi ăn học hết lớp 12/12, sau đó ở nhà lao động tự do. Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 17/12/2020 đến ngày 25/12/2020 được thay thế bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay.

(Các bị cáo đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ, ngày 17/12/2020, Bùi Trần T, Bùi Văn C1, Bùi Năng Đ và Nguyễn Quang D chơi bi a tại nhà ở của Nguyễn Đình T5 có địa chỉ tại thôn P, xã S, huyện T1, tỉnh Thái Bình, sau đó cả bốn đối tượng trên rủ nhau đánh bạc dưới hình thức chơi Liêng được thua bằng tiền. Cả 4 người đi vào trong gian bếp nhà T5, khi này nhà T5 không có ai ở nhà, T, C1, Đ và D đánh bạc đến khoảng 15 giờ cùng ngày thì T5 về, T5 nhìn thấy cả 4 người đang chơi đánh bạc thì đứng xem khoảng 10 phút, T5 không nói gì để cho mọi người chơi rồi đi ngủ. Một lúc sau có Nguyễn Quang C, Nguyễn Tuấn A, Vũ Đình T6 đến và cùng tham gia đánh bạc. Đến khoảng 16 giờ 10 phút cùng ngày khi các đối tượng đang đánh bạc thì bị cơ quan Công an huyện Thái Thụy phát hiện bắt quả tang, thu giữ số tiền các đối tượng đánh bạc là 6.480.000 đồng, khi bị phát hiện C1 bỏ chạy mang theo số tiền 500.000 đồng, như vậy tổng số tiền các bị cáo dùng đánh bạc là 6.980.000 đồng. Nguyễn Quang D đã bỏ trốn, cơ quan điều tra ra quyết định truy nã, hết thời hạn điều tra và đã tạm đình chỉ điều tra đối với D.

Quá trình điều tra, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội

Bản cáo trạng số 24/CT- VKSTT ngày 15 tháng 3 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy truy tố các bị cáo Nguyễn Đình T5, Bùi Trần T, Nguyễn Quang C, Nguyễn Tuấn A, Vũ Đình T6, Bùi Văn C1, Bùi Năng Đ về tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Các bị cáo đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã xác định. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của người chứng kiến, biên bản bắt người phạm tội quả tang, sơ đồ hiện trường; biên bản tạm giữ đồ vật và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Luận tội của Kiểm sát viên: Vẫn giữ nguyên quan điểm như đã truy tố với các bị cáo về tội danh và điều luật được viện dẫn trong bản cáo trạng. Căn cứ tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Đình T5, Bùi Trần T, Nguyễn Quang C, Nguyễn Tuấn A, Vũ Đình T6, Bùi Văn C1 và Bùi Năng Đ phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321, Điều 17, khoản 3 Điều 35, Điều 50, điểm s, i khoản 1 Điều 51, (khoản 2 Điều 51 đối với C, C1, Đ), Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự.

Đề nghị xử phạt các bị cáo: Nguyễn Đình T5, Bùi Trần T, Nguyễn Quang C từ 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thách tháng từ 18 tháng đến 24 tháng, phạt bổ sung bị cáo mỗi bị cáo từ 5.000.000 đến 7.000.000 triệu đồng.

Đề nghị xử phạt các bị cáo: Bùi Năng Đ, Bùi Văn C1 từ 07 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thách tháng từ 14 tháng đến 18 tháng, phạt bổ sung bị cáo mỗi bị cáo từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 35, Điều 50, điểm s, i khoản 1 Điều 51, (T6 thêm khoản 2 Điều 51), Điều 58 Bộ luật hình sự.

Đề nghị xử phạt bị cáo Vũ Đình T6 và Nguyễn Tuấn A mỗi bị cáo từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

Đề nghị tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 6.980.000 đồng, trong đó có số tiền 500.000 đồng truy thu của bị cáo C1; tịch thu tiêu hủy 52 quân bài lơ khơ và buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố, thừa nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật, việc đưa bị cáo ra xét xử về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, không oan sai. Các bị cáo không có ý kiến tranh luận về các vấn đề khác.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình, xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt, cho hưởng án treo để cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau :

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thái Thụy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có khiếu nại về hành vi, các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và còn được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ sau: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản quản lý vật chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[3]. Như vậy đủ căn cứ để xác định: Khoảng 16 giờ 10 phút, ngày 17/12/2020, tại nhà ở của Nguyễn Đình T5 có địa chỉ tại thôn P, xã S, huyện T1, tỉnh Thái Bình, Bùi Trần T, Nguyễn Quang C, Nguyễn Tuấn A, Vũ Đình T6, Bùi Văn C1, Bùi Năng Đ và Nguyễn Quang D đang đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức đánh liêng thì bị cơ quan công an huyện Thái Thụy bắt quả tang, tổng số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 6.980.000 đồng. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi đánh bạc sát phạt lẫn nhau bằng tiền, tạo thu nhập bất hợp pháp, thực hiện với lỗi cố ý. Vì vậy, hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự. Do đó cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

Điều 321. Tội Đánh bạc

1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật có giá trị từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng

4]. Xét vai trò của các bị cáo thì thấy: Đây là vụ đồng phạm giản đơn, các bị cáo tiếp nhận ý chí của nhau không có sự phân công, phân nhiệm một cách cụ thể rõ ràng.

Bị cáo T là người trực tiếp đánh bạc từ đầu và dùng số tiền 2.000.000 đồng để đánh bạc, bị cáo C tuy không đánh bạc từ đầu nhưng dùng số tiền 2.300.000 đồng để đánh bạc, bị cáo T5 tuy không tham gia đánh bạc nhưng đã để cho các đối tượng đánh bạc tại nhà ở của mình, vì vậy các bị cáo T, C và T5 giữ vai trò cao nhất trong vụ án. Bị cáo C1 và Đ dùng số tiền đánh bạc ít hơn nên giữ vai trò thứ hai, bị cáo Tuấn A và T6 đến đánh bạc sau cùng và dùng số tiền ít nhất để đánh bạc nên giữ vai trò thấp nhất trong vụ án.

[5]. Về tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thấy: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an ở địa phương. Do đó cần phải quyết định một hình phạt tương xứng với tính chất mức độ nguy hiểm cho hành vi phạm tội của các bị cáo. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Vì vậy các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, ngoài ra bị cáo C, T6, Để có thời gian tham gia quân đội nhân dân Việt Nam, bị cáo C1, T6 đầu thú nên các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự

Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo Nguyễn Đình T5, Bùi Trần T, Nguyễn Quang C, Bùi Văn C1, Bùi Năng Đ đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, có nhân thân tốt, xét thấy không cần thiết bắt các bị cáo phải cách ly khỏi đời sống xã hội vì các bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho các bị cáo được hưởng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, để các bị cáo nhận ra lỗi lầm đã phạm phải để phấn đấu trở thành công dân tốt cho gia đình và xã hội.

Đối với bị cáo Nguyễn Tuấn A và Vũ Đình T6 phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhân thân tốt, tuổi đời còn trẻ, sử dụng số tiền đánh bạc ít nhất nên cần áp dụng hình phạt chính là phạt tiền cũng đủ răn đe giáo dục các bị cáo

[6]. Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo T5, T, C, C1, Đ đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền nên cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền để răn

đe các bị cáo. Tuy nhiên các bị cáo T5, C, C1, Đ làm nghề lao động tự do, thu nhập thấp, hoàn cảnh gia đình khó khăn, để đảm bảo việc thi hành án nên cần áp dụng dưới khung hình phạt tiền đối với bị cáo T5, C, C1, Đ. Đối với bị cáo Tuấn A và T6 không có công việc ổn định, không có tài sản riêng, con còn nhỏ nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền

[7]. Về xử lý vật chứng của vụ án: Cơ quan điều tra đã quản lý thu giữ vật chứng gồm: Số tiền 6.480.000 đồng thu trên chiếu bạc, đây là tiền thực hiện phạm tội cần tịch thu sung công quỹ nhà nước; 52 quân bài tú lơ khơ là công cụ các bị cáo thực hiện đánh bạc nên cần tịch thu tiêu hủy. Đối với số tiền 500.000 đồng bị cáo C1 khi bị phát hiện bắt quả tang về hành vi đánh bạc đã cầm theo nên cần truy thu để sung công quỹ nhà nước.

[8]. Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Đình T5, Bùi Trần T, Nguyễn Quang C, Nguyễn Tuấn A, Vũ Đình T6, Bùi Văn C1, Bùi Năng Đ phạm tội "Đánh bạc"

2. Về hình phạt: Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321, Điều 17, (khoản 3 Điều 35 đối với T5, C, C1, Đ), Điều 50, điểm s, i khoản 1 Điều 51, (khoản 2 Điều 51 đối với C, Đ, C1), Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự

- Xử phạt bị cáo Bùi Trần T 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng, số tiền phạt này để sung công quỹ nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình T5 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 08 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bổ sung bị cáo 5.000.000 đồng, số tiền phạt này để sung công quỹ nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang C 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 08 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bổ sung bị cáo 5.000.000 đồng, số tiền phạt này để sung công quỹ nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Bùi Năng Đ 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 06 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bổ sung bị cáo 3.000.000 đồng, số tiền phạt này để sung công quỹ nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Bùi Văn C 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 04 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bổ sung bị cáo 3.000.000 đồng, số tiền phạt này để sung công quỹ nhà nước.

Căn cứ khoản 1 Điều 321, Điều 17, khoản 1 Điều 35, Điều 50, điểm s, i khoản 1 Điều 51 (khoản 2 Điều 51 đối với bị cáo T6) Điều 58 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Vũ Đình T6 20.000.000 đồng, số tiền này nộp vào công quỹ nhà nước

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn A 20.000.000 đồng số tiền này nộp vào công quỹ nhà nước

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo T6 và Tuấn A

Giao các bị cáo Bùi Trần T, Nguyễn Đình T5, Nguyễn Quang C, Bùi Văn C1 cho UBND xã S, huyện T1, tỉnh Thái Bình giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục.

Giao bị cáo Bùi Năng Đ cho UBND xã L, huyện T1, tỉnh Thái Bình giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú trong phạm vi huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình thì Ủy ban nhân dân cấp xã, phường có trách nhiệm thông báo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, thị xã, thành phố để làm thủ tục chuyển giao hồ sơ thi hành án treo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người được hưởng án treo đến cư trú để giám sát, giáo dục.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú ngoài phạm vi huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm làm thủ tục chuyển hồ sơ thi hành án treo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, thị xã, thành phố nơi người được hưởng án treo đến cư trú để tổ chức việc thi hành án theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự và thông báo bằng văn bản cho Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 6.480.000 đồng. Truy thu số tiền 500.000 đồng của bị cáo Bùi Văn C1 sung công quỹ nhà nước

Tịch thu tiêu hủy 52 quân bài tú lơ khơ

(Vật chứng nêu trên có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng giữ cơ quan điều tra và Chi cục thi hành án dân sự huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình ngày 16/3/2021)

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; NQ 326/2016/UBTVQH 14 về Án phí, Lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Đình T5, Bùi Trần T, Nguyễn Quang C, Nguyễn Tuấn A, Vũ Đình T6, Bùi Văn C1 và Bùi Năng Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm .

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự:

Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận

- VKSND huyện T1
- Công an huyện T1
- Chi cục THA huyện T1
- TAND tỉnh Thái Bình
- VKSND tỉnh Thái Bình
- Các bị cáo
- UBND xã S, xã L
- Lưu hồ sơ vụ án

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thế Tương